

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Siêng và bà Huỳnh Thị Minh Hải;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Đắk Lắk.

Ngày 25 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13-Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 2002 - Có mặt;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk

- *Bị đơn:* Ông Trần Trung H, sinh năm 2001- Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc C tìm hiểu và kết hôn với ông Trần Trung H trên cơ sở tự nguyện, có đến UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk để đăng ký kết hôn số 06 ngày 11/01/2024. Quá trình sống chung với nhau được 01, 02 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông H không lo làm ăn mà nhậu nhẹt, cờ bạc, ăn chơi, rượu chè. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên đã mạnh ai nấy sống. Từ tháng 4/2025 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân, không còn tình cảm, liên quan gì đến nhau. Do tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Trung H quá trình tham gia tố tụng vắng mặt, không trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Ngọc C yêu cầu ly hôn đối với bị đơn Trần Trung H, có địa chỉ tại thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 13-Đắk Lắk theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Tòa án căn cứ theo Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn HĐXX thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Ngọc C và ông Trần Trung H, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau theo đúng quy định pháp luật tại điều Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 11/01/2024 đăng ký tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk) đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung được 01 thời gian thì vợ chồng bà C, ông H phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bà C bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống ở thôn Đ, xã P 1 từ ngày 15/4/2025. Lời khai của bà C phù hợp với đơn xin xác nhận tình trạng ly thân ngày 21/8/2025 được trưởng thôn xác nhận nội dung, bà C sống tại thôn Đ từ thời gian 15/4/2025 đến nay. Hơn nữa, bà C đã từng nộp đơn ly hôn vào tháng 11/2024, vì tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn nên đã rút đơn nhưng sau đó tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện.

Quá trình tham gia tố tụng, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn rất nhiều lần, bị đơn nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không đến Tòa, là bỏ mặc tình trạng hôn nhân, không có biện pháp hàn gắn, níu kéo, hòa giải là thể hiện ý chí từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình theo quy định pháp luật, dẫn đến tình trạng mâu thuẫn hôn nhân lâm vào trầm trọng kéo dài.

Căn cứ theo điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “ *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi ... vi phạm nghiêm*

trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét yêu cầu của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc C về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn Trần Trung H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc C được ly hôn với ông Trần Trung H.
2. Về con chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0002296, ngày 25/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13-Đắk Lắk.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Phú Hòa 1, tỉnh Đắk Lắk (CNKH số 06 ngày 11/01/2024)
- VKSND Khu vực 13-Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 13-Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thu Hiền